

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1586/KKTCN-ĐTDN
V/v hướng dẫn thực hiện quy định của
pháp luật đối với người lao động nước
ngoài làm việc tại Việt Nam

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

Qua quá trình theo dõi tình hình chấp hành quy định của pháp luật về lao động trong Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế, cơ bản các doanh nghiệp đã tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số người lao động nước ngoài làm việc trên 30 ngày nhưng doanh nghiệp không thực hiện hoặc chậm thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động hoặc không thông báo cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) đối với trường hợp sử dụng lao động nước ngoài làm việc dưới 30 ngày; không gửi hợp đồng lao động cho Ban Quản lý sau khi được cấp Giấy phép lao động, ký hợp đồng lao động đối với trường hợp lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động; không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo tình hình sử dụng lao động nước ngoài theo quy định, ...

Thực hiện quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt Nghị định 152); Ban Quản lý hướng dẫn và đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế, khu công nghiệp nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật đối với việc sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, cụ thể các nội dung cơ bản như sau:

1. Về sử dụng người lao động nước ngoài của doanh nghiệp (Điều 4 Nghị định 152)

Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

1.1. Xác định nhu cầu sử dụng lao động

a) **Trước ít nhất 30 ngày** kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế (được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ủy quyền) theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152.

Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì người sử dụng lao động phải báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152 trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

b) Trường hợp người lao động nước ngoài quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 154 của Bộ luật Lao động và các khoản 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều 7 Nghị định 152 thì người sử dụng lao động không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

1.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo Mẫu số 03/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152 trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

Lưu ý: Văn bản chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là một trong những thành phần hồ sơ để cấp Giấy phép lao động.

2. Sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu (Điều 5 Nghị định 152)

Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

2.1. Trước khi tuyển người lao động nước ngoài, nhà thầu có trách nhiệm kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của người lao động nước ngoài cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo Mẫu số 04/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152.

Trường hợp nhà thầu có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã kê khai thì chủ đầu tư phải xác nhận phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu lao động cần sử dụng của nhà thầu theo Mẫu số 05/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức của địa phương giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu. Trong thời hạn tối đa 02 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam mà không giới thiệu hoặc cung ứng người lao động Việt Nam được cho nhà thầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam theo Mẫu số 06/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152.

2.3. Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát, yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng nội dung đã kê khai về việc sử dụng người lao động Việt Nam và người lao động nước ngoài; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra nhà thầu thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài làm việc cho nhà thầu theo quy định của pháp luật; theo dõi và quản lý người lao động nước ngoài thực hiện các quy định của pháp luật; trước **ngày 05 tháng 7 và ngày 05 tháng 01** của năm sau, chủ đầu tư báo cáo về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài của 6 tháng đầu năm và hằng năm theo Mẫu số 07/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152 gửi về Ban Quản lý. Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo hằng năm tính **từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.**

3. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động (sau đây viết tắt là GPLĐ) cho người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN) làm việc tại Việt Nam

3.1. Quy định điều kiện người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Điều 151 Bộ luật Lao động năm 2019)

“Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là người có quốc tịch nước ngoài và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đủ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;*
- b) Có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề, kinh nghiệm làm việc; có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;*
- c) Không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc pháp luật Việt Nam;*
- d) Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp quy định tại Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019.”*

3.2. Trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (Điều 7 Nghị định 152) gồm:

a) NLĐNN thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động gồm:

“a) Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

b) Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.

c) Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước

ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.

d) Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.

đ) Trường hợp theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

e) Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.”

b) NLĐNN thuộc các trường hợp quy định Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ gồm:

“a) Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

b) Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

c) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, bao gồm: kinh doanh, thông tin, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, tài chính, y tế, du lịch, văn hóa giải trí và vận tải.

d) Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài.

đ) Được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

e) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu tại trường quốc tế thuộc quản lý của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc Liên hợp quốc; các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

g) Tình nguyện viên quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

h) Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.

i) Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật.

k) Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam.

l) *Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 2 Nghị định này.*

m) *Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.*

n) *Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.*

o) *Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận người lao động nước ngoài vào Việt Nam để giảng dạy, nghiên cứu.”*

3.3. Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (Điều 8 Nghị định 152)

a) Người sử dụng lao động có văn bản đề nghị gửi Ban Quản lý xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (quy định tại Điều 7 Nghị định 152) **trước ít nhất 10 ngày**, kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc.

Trường hợp quy định tại khoản 4, 6 và 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định 152 thì không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với Ban Quản lý thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc trước ít nhất 3 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.

Thời hạn xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động tối đa là 02 năm và theo thời hạn của một trong các trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định 152. Trường hợp cấp lại xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì thời hạn tối đa là 02 năm.

b) Hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động: Đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế (địa chỉ: <https://tthc.thuathienhue.gov.vn/Content/Thutuc/chitiet.aspx?iThuTuc=12925>).

3.4. Cấp giấy phép lao động (Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định 152)

Trừ các trường hợp quy định tại Điều 7 Nghị định 152 nêu trên, người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động.

a) Hồ sơ cấp giấy phép lao động: Thực hiện theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế (địa chỉ: <https://tthc.thuathienhue.gov.vn/Content/Thutuc/chitiet.aspx?iThuTuc=16549>).

b) Trình tự cấp giấy phép lao động

- **Trước ít nhất 15 ngày**, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động cho Ban Quản lý.

- Đối với người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.

- *Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới Ban Quản lý. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.*

3.5. Cấp lại giấy phép lao động (Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định 152)

a) Các trường hợp cấp lại giấy phép lao động

- Giấy phép lao động còn thời hạn bị mất.

- Giấy phép lao động còn thời hạn bị hỏng.

- Thay đổi họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc ghi trong giấy phép lao động còn thời hạn.

b) Hồ sơ cấp lại giấy phép lao động: Thực hiện theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế (địa chỉ: <https://tthc.thuathienhue.gov.vn/Content/Thutuc/chitiet.aspx?iThuTuc=17132>).

c) Thời hạn của giấy phép lao động được cấp lại bằng thời hạn của giấy phép lao động đã được cấp trừ đi thời gian người lao động nước ngoài đã làm việc tính đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép lao động.

3.6. Gia hạn giấy phép lao động (Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định 152)

a) Điều kiện được gia hạn giấy phép lao động

- Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày.

- Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 Nghị định 152.

- Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép lao động: Thực hiện theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế (địa chỉ: <https://tthc.thuathienhue.gov.vn/Content/Thutuc/chitiet.aspx?iThuTuc=17360>).

c) Trình tự gia hạn giấy phép lao động

- **Trước ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày** trước ngày giấy phép lao động hết hạn, người sử dụng lao động phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đối với người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được gia hạn giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động.

- Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.

d) Thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn theo thời hạn của một trong các trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định 152 nhưng chỉ được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 02 năm.

3.7. Thu hồi giấy phép lao động (Điều 20, Điều 21 Nghị định 152)

a) Các trường hợp bị thu hồi giấy phép lao động

- Giấy phép lao động hết hiệu lực theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 156 của Bộ luật Lao động.

- Người sử dụng lao động hoặc người lao động nước ngoài không thực hiện đúng quy định tại Nghị định 152.

- Người lao động nước ngoài trong quá trình làm việc ở Việt Nam không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

b) Trình tự thu hồi giấy phép lao động

- Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 152 thì trong 15 ngày kể từ ngày giấy phép lao động hết hiệu lực, người sử dụng lao động thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài để nộp lại Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đối với trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 20 Nghị định 152 thì Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định thu hồi giấy phép lao động theo Mẫu số 13/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152 và thông báo cho người sử dụng lao động để thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài và nộp lại cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Báo cáo sử dụng người lao động nước ngoài (Điều 6 Nghị định 152)

Trước ngày 05 tháng 7 và ngày 05 tháng 01 của năm sau, người sử dụng lao động nước ngoài báo cáo 6 tháng đầu năm và hàng năm về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 07/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152 gửi về Ban Quản lý. Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng đầu

năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo hằng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Ngoài các nội dung hướng dẫn nêu trên, Ban Quản lý đề nghị các doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam nghiên cứu quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh hướng dẫn để các doanh nghiệp trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở LĐTB&XH;
- Trưởng ban và PTB Ngô Văn Phong;
- Phòng ĐTDN, các VPĐD KKT, KCN;
- Lưu: VT, P.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Ngô Văn Phong